

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2021/HS-ST
Ngày 20 – 5 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa – Cán bộ Hưu trí.
2. Ông Từ Anh Tuấn – Giám đốc Trung tâm giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thắng Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại Hội trường A Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 104/2021/HSST ngày 08 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2021/QĐXXST-HS ngày 10/5/2021 đối với bị cáo:

Dương Đức H, sinh năm 1998, tại tỉnh Quảng Bình; thường trú: thôn A, xã Đ, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Dương Đức V, sinh năm 1976 và bà Phan Thị H, sinh năm 1977; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 2000 và có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; bị cáo có 01 chị ruột sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/11/2020, có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Thị H1, sinh ngày 05/6/2003; thường trú: xóm B, xã Tr, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Nguyễn Thị H2. Sinh năm 1985; thường trú: xóm B, xã Tr, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phan Thị H3, sinh năm 1977 và ông Dương Đức V, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: thôn 4, xã Đồng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, bà H3 có mặt, ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2020, Dương Đức H quen biết với Nguyễn Thị H1 - sinh ngày 05/6/2003 (17 tuổi 03 ngày). Sau khi quen biết nhau được khoảng 02 ngày thì H nhắn tin xin H1 cho qua phòng trọ của H1 tại địa chỉ 40/7A khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương để ngủ cùng, H1 đồng ý. Đến 23 giờ 30 phút ngày 04/6/2020, H qua phòng H1 ngủ, tại đây H và H1 quan hệ tình dục và H dùng điện thoại đi động Iphone 11 Pro Max quay lên lại cảnh hai người quan hệ.

Ngày 08/6/2020, H nhắn tin yêu cầu H1 cho quan hệ tình dục thì H1 không đồng ý, lúc này H gửi đoạn video đã quay cảnh quan hệ tình dục cho H1 xem và đe dọa nếu không cho quan hệ thì H sẽ gửi đoạn video cho người thân, bạn bè của H1 xem. H1 nhắn tin van xin H đừng gửi thì H ép H1 phải cho quan hệ tình dục thì mới xóa nên H1 miễn cưỡng đồng ý. Sau khi quan hệ tình dục xong thì H đưa máy điện thoại cho H1 xóa đoạn video, tuy nhiên do phần mềm của điện thoại Iphone vẫn lưu trong thư mục rác, H1 không biết để xóa hết nên H đã khôi phục lại đoạn video trên. Sau đó H1 chặn Facebook và Zalo để H không liên lạc được với H1 nữa, đến khoảng tháng 8/2020, trong lúc đi chơi H bị mất điện thoại đi động Iphone 11 Pro Max.

Tháng 10/2020 H về quê tại thôn B, xã Đ, huyện Bỏ Trạch, tỉnh Quảng Bình sinh sống thì được bà Phan Thị H3 (mẹ của H) đã cho H điện thoại đi động Iphone 6s màu hồng có sim số 0376931213 để sử dụng. Khi có điện thoại H đăng nhập vào tài khoản Icloud của mình để lấy lại các dữ liệu trên máy điện thoại cũ, trong đó có đoạn video quay cảnh H và H1 quan hệ tình dục.

Ngày 04/11/2020, H liên lạc được với H1 và nói rằng mình vẫn còn giữ đoạn video quay cảnh hai người quan hệ tình dục, H yêu cầu H1 phải tự quay cảnh H1 thủ dâm khoảng 10 phút và yêu cầu H1 phải chuyển cho H số tiền 8.000.000 đồng thì H sẽ xóa đoạn video trên. H1 không đồng ý làm cảnh thủ dâm, nhắn tin van xin H buông tha cho mình nhưng H không đồng ý nên em H1 phải đồng ý chuyển tiền theo yêu cầu của H.

Ngày 06/11/2020, H1 chuyển tiền vào số tài khoản 060251457436 của H tại Ngân hàng Sacombank số tiền 500.000 đồng.

Sau khi nhận được 500.000 đồng, H tiếp tục yêu cầu H1 phải chuyển đủ số tiền còn lại. Ngày 12/11/2020, H1 tiếp tục chuyển tiền vào số tài khoản trên cho H thêm 500.000 đồng, tổng số tiền qua 02 lần chuyển là 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại 7.000.000 đồng H1 nói khi nhận lương H1 sẽ chuyển đủ, H đồng ý. Sau đó, H1 đến công an phường An Bình, thành phố Dĩ An trình báo sự việc.

Ngày 13/11/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Dĩ An tiến hành bắt khẩn cấp đối với Dương Đức H để điều tra xử lý theo quy định. Quá trình điều tra Dương Đức H khai nhận đã xóa đoạn video quay cảnh H và H1 quan hệ tình dục do sợ vợ của H biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Dĩ

An không thu hồi được, H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng.
- 01 thẻ ngân hàng ATM Sacombank mang tên Dương Đức H, STK: 060251457436.
- 01 sim điện thoại sim số: 0376931213.
- Đối với điện thoại đi động Iphone 11 Pro Max, H đã làm mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Dĩ An không thu hồi được.

* Căn cứ Kết luận giám định pháp y về tình dục số 1060/TD/2020 ngày 18/11/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đồng Nai kết luận đối với Nguyễn Thị H1 như sau: “Màng trinh: Hình bán nguyệt, đường kính lỗ trinh 01cm. Màng trinh rách cũ vị trí 03 giờ và 09 giờ, bờ mép vết rách không phù nề, không xung huyết, không chảy máu.”

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị H1 và mẹ là bà Nguyễn Thị H2 yêu cầu Dương Đức H phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Bà Phan Thị H3 là mẹ của bị cáo H đã bồi thường đầy đủ số tiền nêu trên và được bị hại H1 làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H.

Cáo trạng số 127/CT – VKS ngày 06 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Dương Đức H về “Tội cưỡng dâm” theo quy định tại khoản 4 Điều 143 và “Tội cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 143; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Đức H từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Đức H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt bị cáo H phải chấp hành hình phạt tù từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 thẻ ngân hàng ATM Sacombank mang tên Dương Đức H, STK: 060251457436 cần trả lại cho bị cáo H.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 sim điện thoại sim số 0376931213 sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại là 30.000.000 đồng. Ngoài ra bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Trong phần tranh luận bị cáo Dương Đức H không tranh luận, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hưởng không tranh luận.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo Dương Đức H nói lời sau cùng: Trong thời gian tạm giam bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, bị cáo cũng rất hối hận nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bà Phan Thị H3 (là mẹ bị cáo và cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án) có đơn yêu cầu luật sư bào chữa cho bị cáo, Tòa án đã ban hành Thông báo số 06/2021/TB-TA ngày 05/05/2021 để thông báo người bào chữa tham gia tố tụng và tổng đạt Quyết định xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho người bào chữa cho bị cáo H. Tuy nhiên, ngày 18/5/2021, bà H3 đã có Đơn không nhờ luật sư, đơn đề ngày 18/5/2021 và người bào chữa Hứa Thị Th có Đơn rút lại thủ tục đăng ký bào chữa và không tham gia bào chữa. Tại phiên tòa, bị cáo và bà H3 xác định không yêu cầu người bào chữa mà tự mình bào chữa nên bà Hứa Thị Th không tham gia phiên tòa với tư cách là người bào chữa cho bị cáo trong vụ án này.

[2] Căn cứ xác định bị cáo Dương Đức H phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Biên bản xác định địa điểm, Sơ đồ hiện trường, Bản kết luận giám định pháp y về tình dục. Như vậy, có căn cứ xác định ngày 08/6/2020 bị cáo Dương Đức H đã có hành vi Cưỡng dâm đối với Nguyễn Thị H1 sinh ngày 05/6/2003, hành vi này của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng dâm người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi” được quy định tại khoản 4 Điều 143 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài thực hiện hành vi cưỡng dâm Nguyễn Thị H1, bị cáo H còn dùng clip mình quay lên khi bị cáo và Nguyễn Thị H1 quan hệ tình dục để buộc Nguyễn Thị H1 đưa cho mình số tiền 8.000.000 đồng, nếu Nguyễn Thị H1 không đưa tiền cho bị cáo H thì bị cáo H không xóa clip quan hệ tình dục và sẽ phát tán clip đó cho người thân, bạn bè của H1, hành vi này của bị cáo đã cấu thành Tội cưỡng đoạt tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bản cáo trạng số 127/CT – VKS ngày 06/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo cũng như bản luận tội

của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Tội phạm bị cáo H thực hiện là nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 7 năm tù, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện phạm tội với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo xâm phạm đến sức khỏe sinh sản của trẻ vị thành niên Nguyễn Thị H1, nhất là trong tình hình hiện nay hành vi giao cấu, hiệp dâm trẻ em xảy ra nhiều và có diễn biến phức tạp. Ngoài ra hành vi cưỡng đoạt tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tù tương xứng với tính chất mức độ tội phạm bị cáo đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân tốt thể hiện việc không có tiền án, tiền sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện bị hại yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 30.000.000 đồng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại và đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị hại H1 đã chuyển khoản cho bị cáo H, trong đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị hại và đại diện bị hại không yêu cầu nhận lại số tiền này, đây là sự tự nguyện của bị hại và đại diện bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

[8] Về vật chứng: Xét, 01 thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank mang tên Dương Đức H, STK: 060251457436 là tài sản của bị cáo cần trả lại cho bị cáo H; 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng, số máy MKQW2KH/A, số seri FFMT8923GRYK, số Imei 355400084456477, số MEID 35540008445647 sử dụng vào việc phạm tội, cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 01 sim điện thoại số 0376931213 không còn giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Đối với số tiền 30.000.000 đồng bà Phan Thị H3 bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa bà H3 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Án phí sơ thẩm: Bị cáo H phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Đức H phạm “Tội cưỡng dâm” và “Tội cưỡng đoạt tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 4 Điều 143; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Đức H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2020.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Đức H 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2020.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Bị cáo Dương Đức H phải chấp hành hình phạt tù là 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2020.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

2.1. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a,b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo Dương Đức H 01 thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank mang tên Dương Đức H, STK: 060251457436.

- Tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 6S màu hồng, số máy MKQW2KH/A, số seri FFMT8923GRYK, số Imei 355400084456477, số MEID 35540008445647 .

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0376931213.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2021-BL 156)

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Bị cáo Dương Đức H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP Dĩ an;
- Công an Dĩ an;
- Chi cục THA dân sự Dĩ an;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Kim H1